

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÍNH SÁCH THUẾ

ĐẾN TUÂN THỦ THUẾ: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Ths. Nguyễn Hoàng

Tổng cục Thuế

Email: hoangnc05@yahoo.com

PGS.TS Đào Thị Phương Liên

Đại học Kinh tế Quốc dân

Tuân thủ thuế là việc chấp hành nghĩa vụ pháp luật của cả cơ quan thuế (CQT) và người nộp thuế (NNT) theo đúng quy định. Đây là một vấn đề phức tạp, bao gồm các hoạt động đăng ký, kê khai, báo cáo, nộp thuế của NNT trong sự hỗ trợ, giám sát của CQT. Hiện nay, tính tuân thủ của người nộp thuế (NNT) chưa cao. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng tới vấn đề này. Đó là, nhân tố về tình hình kinh tế xã hội, nhân tố về chính sách thuế, nhân tố thuộc về công tác quản lý của CQT, nhân tố xuất phát từ bản thân NNT, ... Bài viết giới thiệu công trình nghiên cứu, khảo sát về ảnh hưởng của chính sách thuế tới tuân thủ thuế của NNT, từ đó đề xuất một số kiến nghị để hoàn thiện chính sách thuế, góp phần nâng cao tuân thủ thuế của NNT.

Từ khóa: chính sách thuế, tính tuân thủ

1. Ảnh hưởng của chính sách thuế đến tuân thủ thuế của người nộp thuế thông qua điều tra, khảo sát tại Hà Nội

Dựa vào mô hình nghiên cứu về tác động của các nhân tố tới nhận thức của NNT, nhóm tác giả đã phối hợp với một số nhà khoa học, nhà quản lý tại các đơn vị thuộc Cục Thuế TP Hà Nội thực hiện điều tra, khảo sát NNT, các nhà tư vấn thuế, công chức thuế về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Việc khảo sát thực hiện đối với thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) trên địa bàn thành phố Hà Nội, với quy mô phát ra 200 phiếu khảo sát doanh nghiệp (cơ sở kinh doanh và cũng là cơ quan chi trả thu nhập), 200 phiếu khảo sát cá nhân là người lao động làm công ăn lương, cá nhân kinh doanh, các nhà tư vấn thuế và công chức thuế. Nhóm nghiên cứu cố gắng thu thập thông tin cần thiết, hệ thống kết quả khảo sát, đưa ra đánh giá về trình độ hiểu biết, thái độ tuân thủ cũng như những vấn đề khó khăn của NNT khi thực hiện nghĩa vụ thuế

1.1. Mức độ điều tiết thuế

Đối với thuế GTGT, kết quả khảo sát cho thấy, 57% số người được hỏi cho rằng, mức điều tiết thuế của chính sách thuế hiện nay là phù hợp; 39% số ý kiến lại cho rằng, mức độ điều tiết thuế hiện nay là cao, 3% NNT còn cho rằng quá cao.

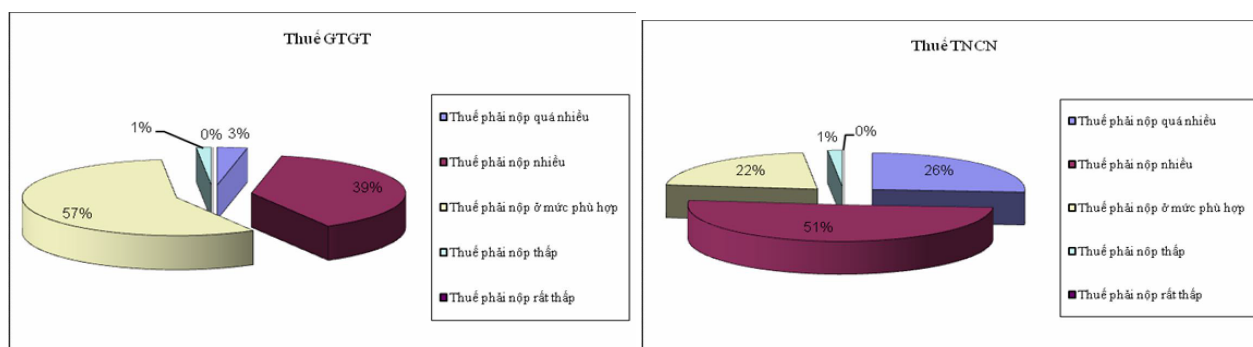
Với mức điều tiết thuế TNDN, 60% số người được hỏi cho rằng số thuế phải nộp là cao, 11% NNT cho rằng quá cao, chỉ có 27% NNT đánh giá mức phải nộp là phù hợp. Tỷ lệ này tương ứng ở thuế TNCN là 51%, 26% và 22%.

Khảo sát này cũng phù hợp với đánh giá của các chuyên gia. Theo các chuyên gia, mức thu thuế và phí của Việt Nam hiện nay “là rất cao so với các nước khác trong khu vực”. Cụ thể, trung bình trong năm năm gần đây, tỉ lệ thu từ thuế và phí/GDP của Trung Quốc là 17,3%, Thái Lan và Malaysia khoảng 15,5%, Philippines 13%, Indonesia 12,1% và của Ấn Độ chỉ là 7,8% (Biểu đồ 1).

1.2. Mức độ hao phí thời gian, chi phí để hoàn tất việc kê khai, nộp thuế

Mức hao phí thời gian làm thủ tục về thuế với các

Biểu đồ 1. Đánh giá mức độ điều tiết thuế



1.3. Tần suất kê khai các loại thuế

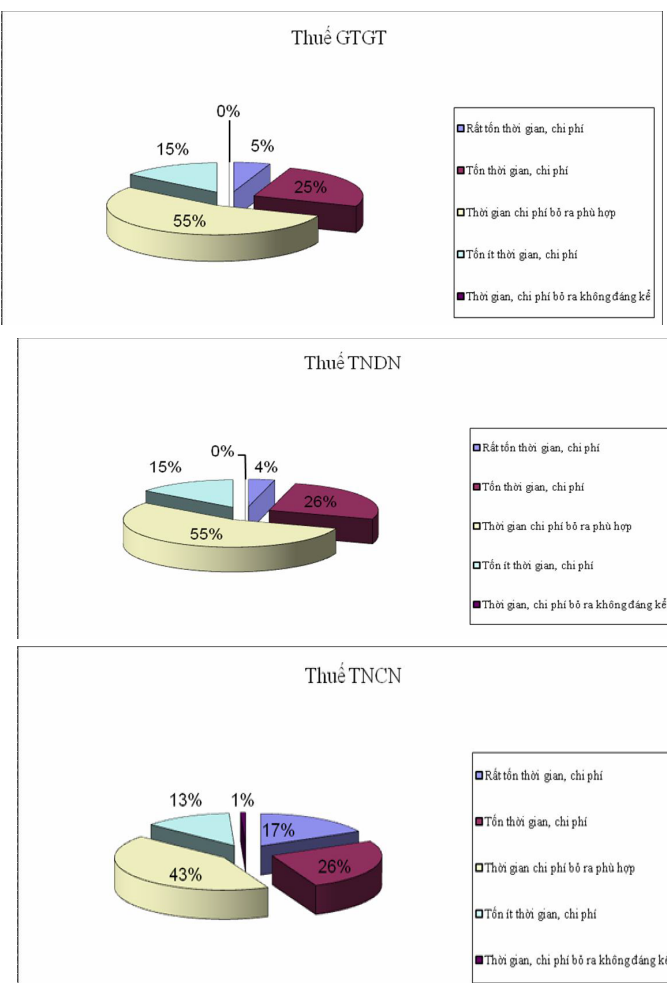
Hiện nay tất cả các doanh nghiệp, bất kể quy mô như thế nào đều phải thực hiện thủ tục kê khai thuế GTGT hàng tháng, khai thuế TNDN hàng quý, khai thuế TNCN theo tháng nếu số thuế vượt quá 5 triệu/tháng. So sánh với một số quốc gia khác, như

Biểu đồ 2. Đánh giá mức độ hao phí thời gian, chi phí cho việc kê khai, nộp thuế

Nguồn: Kết quả khảo sát tại Cục Thuế Hà Nội

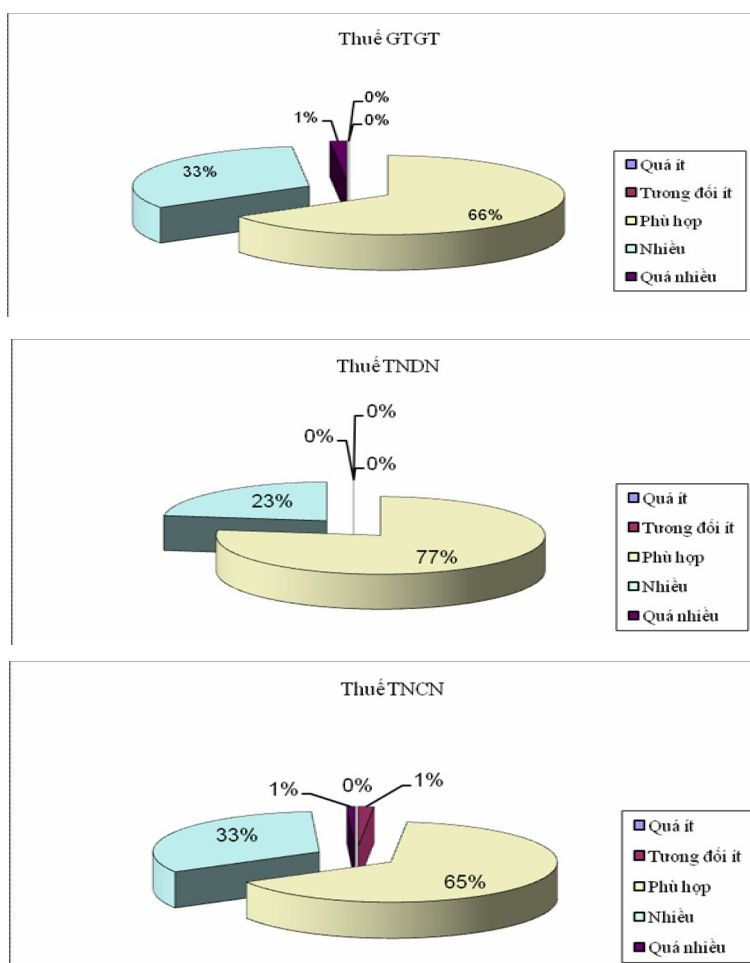
nước ta còn cao. Theo “Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2012” do Ngân hàng Thế giới công bố ngày 23/10/2012, các tổ chức quốc tế xếp thứ hạng về thuế của Việt Nam ở mức 99/185 nước. Thời gian NNT làm các thủ tục về thuế và các nghĩa vụ với ngân sách là 872 giờ, trong khi NNT tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương chỉ mất trung bình hơn 200 giờ cho việc đóng thuế mỗi năm, và ở các nước OECD thì con số này là 176 giờ (Singapore là 84 giờ, Indonesia 266 giờ, Malaysia 145 giờ, Thái Lan 264 giờ).

Kết quả khảo sát cho thấy, dường như NNT chấp nhận hao phí thời gian và chi phí cho việc hoàn tất việc khai, nộp thuế như một sự đương nhiên. 55% số người được hỏi cho rằng thời gian, chi phí bỏ ra cho việc khai, nộp thuế GTGT, thuế TNDN là phù hợp. Cũng câu hỏi như vậy với thuế TNCN: 43% số ý kiến đánh giá thời gian, chi phí khai, nộp thuế là phù hợp; khoảng 26% số ý kiến đánh giá thời gian và chi phí khai, nộp thuế là cao. Số ý kiến đánh giá thời gian, chi phí khai, nộp thuế là rất cao chiếm 5% đối với thuế GTGT, 4% đối với thuế TNDN, 18% đối với thuế TNCN (Biểu đồ 2).



Nguồn: Kết quả khảo sát tại Cục Thuế Hà Nội

Biểu đồ 3. Đánh giá tần suất kê khai các loại thuế



Nguồn: Kết quả khảo sát tại Cục Thuế Hà Nội

Hàn Quốc, quy định tần suất kê khai thuế là 3 tháng/lần và với các NNT nhỏ (doanh thu dưới 46.600 USD/năm) là 6 tháng/lần. Với tần suất này, cơ quan thuế vẫn kiểm soát được việc nộp thuế, vẫn bảo đảm được an toàn về nguồn thu ngân sách nhưng lại giảm đáng kể gánh nặng về tuân thủ. Tính trung bình số lần đóng thuế của doanh nghiệp tại Việt Nam mỗi năm là 32. Theo Nghị quyết 68/NQ-CP, thủ tục khai thuế GTGT năm theo phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu sẽ phải phân loại người nộp thuế, nhằm giảm bớt tần suất bắt buộc kê khai thuế GTGT cho NNT, nhất là với doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh gia đình.

Đánh giá về tần suất kê khai thuế: 2/3 số ý kiến trả lời cho rằng tần suất khai thuế hiện nay là phù hợp với thuế GTGT (66%) và TNCN (65%). Đối với thuế TNDN (sắc thuế được tạm kê khai theo quý, quyết toán năm) là 77%. 33% số người được hỏi đánh giá tần suất khai thuế GTGT và TNCN hiện nay là cao; đối với thuế TNDN là 23% (Biểu đồ 3).

1.4. Mức độ công bằng của các chính sách thuế:

Kết quả khảo sát cho thấy, theo đánh giá của NNT, mức độ công bằng của các chính sách thuế có sự khác biệt nhất định. Những người được hỏi đánh giá tương đối đồng nhất giữa thuế GTGT và thuế TNDN. Có 25% số người được hỏi trả lời thuế GTGT là công bằng, và 61% số ý kiến đánh giá là tương đối công bằng; 15% số người được hỏi đánh giá thuế TNDN công bằng và 50% cho rằng tương đối công bằng.

Đối với thuế TNCN, kết quả khảo sát cho thấy sự đánh giá đã phân hóa: chỉ 11% số người được hỏi đánh giá là công bằng, 18% đánh giá tương đối công bằng, và 21% đánh giá rất công bằng; có đến 50% cho rằng thuế TNCN không công bằng. Như vậy, với kết quả khảo sát, các nhà xây dựng chính sách thuế cần xem xét lại thuế TNCN.

1.5. Mức độ phức tạp của các chính sách thuế trong thực hiện tuân thủ thuế:

Kết quả khảo sát cho thấy, 66% số người được hỏi đánh giá chính sách thuế GTGT là phù hợp; 4% số ý kiến cho rằng chính sách thuế GTGT là đơn giản.

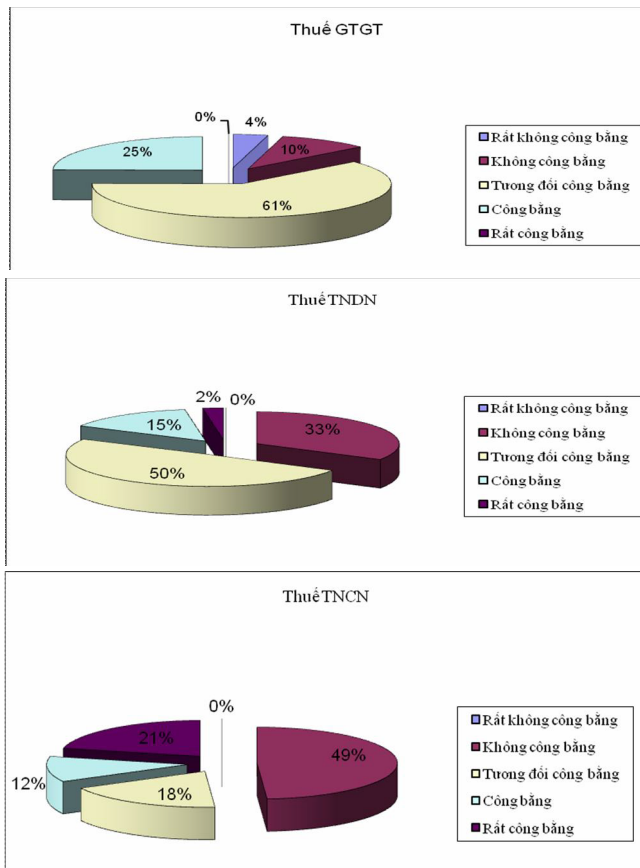
Thậm chí, có 2% số người được hỏi cho rằng, chính sách thuế GTGT rất đơn giản; 24% cho rằng chính sách thuế GTGT là phức tạp, 4% cho rằng hết sức phức tạp.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy NNT đánh giá tiêu cực hơn về 2 sắc thuế TNDN và TNCN. Nhiều ý kiến cho rằng, các quy định về thuế TNDN và TNCN là tương đối phức tạp. Với thuế TNDN, 40% số người được hỏi cho rằng chính sách phù hợp, nhưng có 41% số ý kiến cho rằng phức tạp, 11% đánh giá rất phức tạp.

Với chính sách thuế TNCN, tình hình còn trầm trọng hơn khi 60% số người được hỏi phản ứng tiêu cực: 39% số người được hỏi đánh giá chính sách thuế TNCN là phức tạp, 21% số ý kiến đánh giá chính sách rất phức tạp; chỉ có 36% số người được hỏi cho rằng chính sách thuế này phù hợp, và 4% số ý kiến đánh giá chính sách thuế TNCN là đơn giản.

Sự phức tạp của các quy định thuế dẫn tới hệ quả làm tăng các hao phí về thời gian và chi phí cho việc

Biểu đồ 4. Đánh giá mức độ công bằng của các chính sách thuế

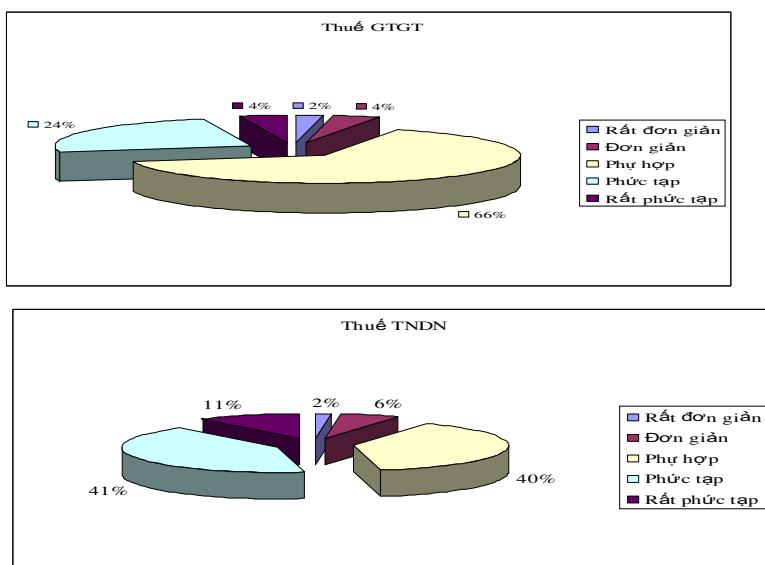


Nguồn: Kết quả khảo sát tại Cục Thuế Hà Nội

kê khai và nộp thuế, đặc biệt là với thuế thu nhập cá nhân.

1.6. Ảnh hưởng của chính sách thuế hiện hành đối với doanh nghiệp

Biểu đồ 5. Đánh giá mức độ phức tạp của các quy định thuế hiện hành



Kết quả điều tra cho thấy, phản ứng của NNT là không tích cực. Với thuế GTGT, có 61% số người được hỏi cho rằng không ảnh hưởng đáng kể, còn 23% cho rằng ảnh hưởng tiêu cực tới NNT; chỉ 16% nhận định tích cực.

Đối với thuế TNDN, thái độ tích cực giảm xuống còn 13%, không ảnh hưởng đáng kể là 37%, nhận định tiêu cực 43%, có 5% đánh giá ảnh hưởng rất tiêu cực. Thuế TNCN cũng vậy: 13% tích cực, không đáng kể 47%, tiêu cực 35%, 6% rất tiêu cực. Cùng với nhận định về mức điều tiết nặng nề, đánh giá ảnh hưởng của thuế tiêu cực đến NNT cho thấy chính sách thuế cần có những điều chỉnh (Biểu đồ 6).

2. Kết luận và kiến nghị

2.1. Đối với NNT là doanh nghiệp

2.1.1. Kết luận

- Còn khá nhiều doanh nghiệp cho rằng chính sách thuế TNDN và TNCN còn nhiều điểm chưa thực sự công bằng. Ở một mức độ nào đó, khá nhiều doanh nghiệp cho rằng họ phải nộp thuế nhiều đối với thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân và hai loại thuế này ảnh hưởng tiêu cực tới doanh nghiệp.

- Phần nhiều các doanh nghiệp cho rằng các chính sách thuế hiện hành còn chậm thay đổi so với nhu cầu thực tế và vì vậy cần thay đổi theo hướng đơn giản hóa các thủ tục quy định hơn là đi vào chi tiết hóa, cụ thể hóa các quy định này.

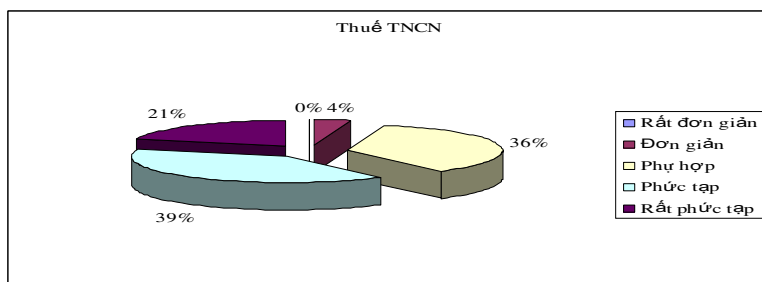
Điều đáng chú ý là ít doanh nghiệp sẽ sẵn sàng tố cáo hành vi vi phạm pháp luật thuế nhưng lại tương đối sẵn sàng chi tiền cho cán bộ thuế nếu được lợi trong kinh doanh.

- Các doanh nghiệp đều tiếp cận thường xuyên và đầy đủ với các chính sách và quy định về thuế. Tuy nhiên, công tác giải đáp thắc mắc của CQT với doanh nghiệp còn chưa được thực hiện tốt.

- Các doanh nghiệp có đánh giá tốt về công tác thanh tra, kiểm tra của CQT. Đường như, đó là vì các doanh nghiệp “e ngại” thanh tra thuế. Thêm vào đó, các doanh nghiệp có khá “kiêng dè” đối với việc xử phạt và cưỡng chế nộp chậm hoặc không chịu nộp thuế.

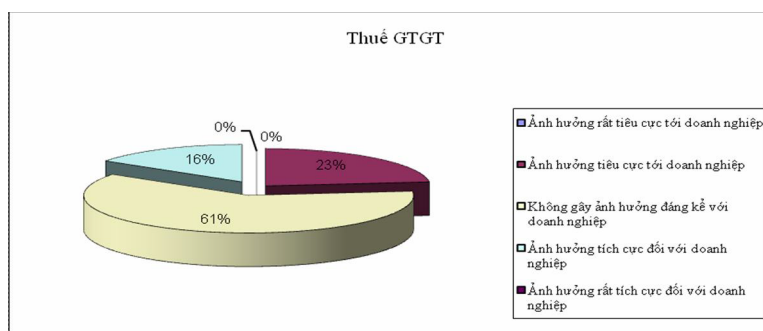
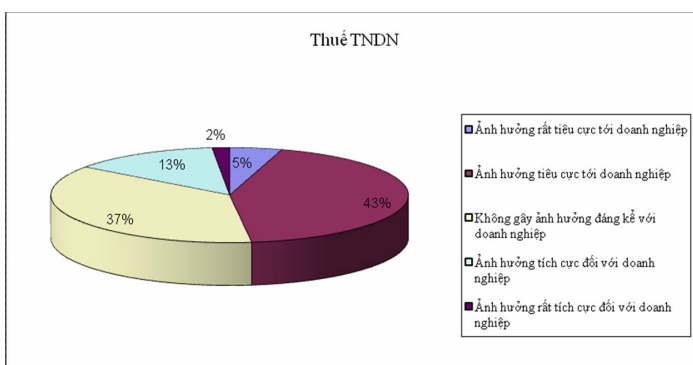
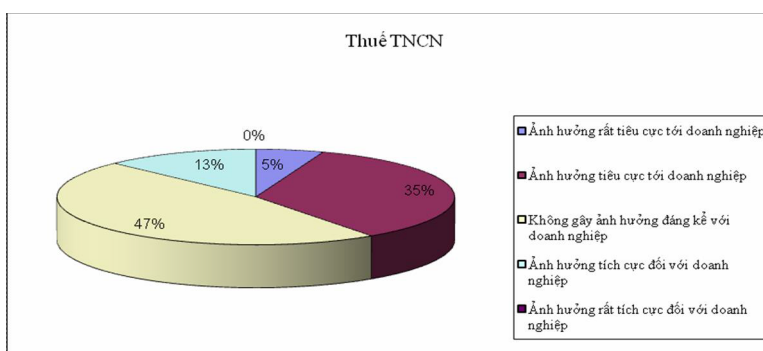
2.1.2. Kiến nghị:

-Bên cạnh việc đơn giản hóa thủ tục



Nguồn: Kết quả khảo sát tại Cục Thuế Hà Nội

Biểu đồ 6. Ảnh hưởng của chính sách thuế hiện hành đối với doanh nghiệp



Nguồn: Kết quả khảo sát tại Cục Thuế Hà Nội

hành chính đối với công tác kê khai và nộp thuế, CQT nên tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và phổ biến chính sách thuế, đặc biệt là với thuế TNDN và thuế TNCN. Sự thay đổi này cần dựa trên nhu cầu cụ thể, thực tế của doanh nghiệp, hơn là từ góc độ chủ quan của cán bộ thuế.

- Đẩy mạnh công tác hướng dẫn và phổ biến kiến

thức về các quy trình khai nộp thuế là biện pháp cấp bách hiện nay. Đặc biệt, khi có các vướng mắc về thuế, doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các kênh giải đáp phù hợp. Các kênh thông tin cần chú ý đẩy mạnh trong việc tuyên truyền chính sách thuế là Internet, cán bộ thuế, và tổ chức các khóa đào tạo.

- Các biện pháp cụ thể là tăng cường thông tin trả lời vướng mắc trên các website của các CQT, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của cán bộ thuế trong việc giải đáp thắc mắc và hướng dẫn doanh nghiệp khai nộp thuế.

- Để có thể thay đổi thái độ của doanh nghiệp theo hướng tích cực đối với công tác khai nộp thuế, giáo dục tuyên truyền từ doanh nghiệp chỉ là một khía cạnh. Cải cách thủ tục hành chính và các biện pháp giáo dục với chính cán bộ thuế có thể là quan trọng nhằm tránh các tiêu cực trong quản lý thuế.

2.2. Đối với NNT là cá nhân:

2.1.1. Kết luận:

Thuế TNCN là sắc thuế hướng vào mọi người dân, nhưng vẫn còn một tỷ lệ khá lớn (1/3 số NNT) chưa thực sự quan tâm và tìm hiểu về luật, chính sách thuế, cũng như chưa hiểu rõ về luật và chính sách thuế; cần trợ giúp khi kê khai thuế.

- Mặc dù tỷ lệ lớn người dân cho rằng thuế TNCN hiện hành là công bằng nhưng bên cạnh đó, đa số người dân thấy cần sớm điều chỉnh luật thuế (mức giảm trừ gia cảnh) cho phù hợp với mọi tầng lớp dân cư. Điều đó cho thấy việc sửa đổi luật, chính sách thuế TNCN là cần thiết để đảm bảo công bằng hơn.

- Khả năng tiếp cận thông tin về thuế TNCN của NNT được đánh giá khá cao. NNT đã lựa chọn các kênh chính thống để tiếp cận các thông tin về thuế TNCN.

- Các tổ chức và cá nhân tư vấn thuế vẫn đóng vai trò nhỏ trong các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ NNT. Trong khi lẽ ra đây là kênh nên được sử dụng bởi tính chuyên nghiệp và tiết kiệm chi phí cho

NNT.

- NNT đánh giá cao những hỗ trợ của cán bộ thuế mà họ nhận được trong quá trình kê khai, nộp thuế, kể cả thái độ phục vụ và tính chuyên nghiệp. Vai trò và sự hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân tư vấn thuế còn hạn chế. Tuy nhiên, việc đôn đốc, cảnh báo NNT trong quá trình kê khai, nộp thuế còn chưa phù hợp và kịp thời.

2.2.2. Kiến nghị:

i) Nâng cao nhận thức cho NNT:

- Tăng cường tuyên truyền hỗ trợ để NNT tự giác tìm hiểu, nắm rõ chính sách thuế. Kênh hiện hành người dân tìm hiểu về thuế chủ yếu là internet và CQT. Vì vậy, việc cập nhật, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng thông tin từ các kênh chính thức qua các website và bộ phận tuyên truyền hỗ trợ NNT của CQT, nhất là thông tin giải đáp thắc mắc về chính sách thuế là rất cần thiết để NNT tiếp cận một cách dễ dàng, từ đó thúc đẩy việc tự nguyện tìm hiểu và nâng cao nhận thức.

- Tăng cường vai trò của Hiệp hội và các tổ chức tư vấn thuế. Bên cạnh việc tăng cường hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ NNT qua 2 kênh nói trên, cần đẩy mạnh vai trò của Hiệp hội và tổ chức, cá nhân tư vấn thuế. Về lâu dài, hoạt động của các tổ chức này không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ mà còn là cầu nối tin cậy, đảm bảo quyền lợi của NNT.

ii) Nghiên cứu điều chỉnh chính sách thuế TNCN phù hợp hơn với thực tế:

- Trong bối cảnh hiện tại của nền kinh tế, thuế

TNCN cần được điều chỉnh để người dân cảm nhận rõ hơn về sự công bằng và phù hợp hơn với thực tế. Đặc biệt, cần nâng mức giảm trừ gia cảnh, bao gồm giảm trừ cho NNT và cho người phụ thuộc. So với mức mà Bộ Tài chính đề xuất, mức giảm trừ cần được điều chỉnh cao hơn cho phù hợp với tiến trình cải cách tiền lương và tình hình lạm phát và sớm đưa vào áp dụng để có thể phát huy hiệu quả trong dài hạn.

- Điều chỉnh tiếp theo liên quan đến Luật quản lý thuế. Quy trình và thủ tục kê khai, nộp thuế, hoàn thuế TNCN cần được đơn giản hóa để người dân có thể thực hành kê khai, nộp dễ dàng hơn.

iii) *Giám sát, cảnh báo, xử phạt*: Tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người dân được xem là điều kiện cần để đảm bảo tuân thủ thuế. Tuy nhiên, giám sát, cảnh báo, xử phạt nghiêm minh là các biện pháp khiến NNT thay đổi hành vi trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế. Một số thay đổi sau cần được xem xét để nâng cao tính tuân thủ của người dân: Có hệ thống theo dõi, cảnh báo thường xuyên để NNT thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ, đúng hạn và chính xác. Các thông tin cảnh báo, nhắc nhở có thể thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân tiếp nhận dễ dàng. Tăng mức và hình thức xử lý vi phạm về thuế để đảm bảo tính răn đe với các đối tượng không tuân thủ. Đặc biệt, cần nâng cao hiệu lực thực tế của công tác xử lý vi phạm thuế, trong đó nhấn mạnh việc thực thi pháp luật quản lý thuế thật nghiêm minh.□

Tài liệu tham khảo:

1. Hải Anh, (2007), “Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý thuế đáp ứng yêu cầu cải cách và hiện đại hóa ngành thuế”, Tạp chí thuế Nhà nước.
2. Nguyễn Thị Thương Hoài (2011), *Chuyên đề “Giám sát tính tuân thủ pháp luật thuế ở Việt Nam”*.
3. Quốc hội, *Luật Quản lý thuế*, số 78/2006/QH12 ngày 29 tháng 11 năm 2006; *Luật Thuế thu nhập cá nhân*, số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; *Luật Thuế Giá trị gia tăng* số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp* 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.
4. Trần Xuân Thắng “*Luật Thuế thu nhập cá nhân cần sửa nhiều nội dung cơ bản*”, Tạp chí Thuế nhà nước số 12 (370) ngày 22/3/2012.
5. Nguyễn Thị Cúc “*Biểu thuế điều chỉnh tăng theo mức giảm trừ gia cảnh*”, Tạp chí Thuế nhà nước số 16 (374) ngày 19/4/2012.
6. Trịnh Thị Thu Thủy “*Góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TNCN: Kiến nghị từ Cục Thuế TP HCM*” Tạp chí Thuế nhà nước số 17+18 (375+376) ra ngày 3/5/3012.
7. Hà Thị Hương Lan, “*Luật thuế thu nhập cá nhân, kết quả 3 năm, bất cập và giải pháp*”, Vietnamnet.VN 22/06/2012.
8. Nguyễn Thị Thương Huyền, “*Luật quản lý thuế và những vấn đề cần bàn thêm*”, sunlaw.com.vn, 6/2012.
9. TVN, “*Người dân nặng gánh thuế, phí cao chót vót*”, Giaoduc.net.vn, 04/09/2012.